**MỤC LỤC**

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH

2. PHẠM VI

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

6. BIỂU MẪU VÀ PHỤ LỤC

7. HỒ SƠ CẦN LƯU

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Trách nhiệm** | **Soạn thảo** | **Xem xét** | **Phê duyệt** |
| **Họ tên** | **Nguyễn Phi Cưng** | **Nguyễn Song Toàn** | **Lữ Quốc Tuấn** |
| **Chữ ký** |  |  |  |
| **Chức vụ** | **Công chức** | **Phó Chủ tịch** | **Chủ tịch** |

**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lần sửa đổi** | **Trang / Phần liên quan sửa đổi** | **Nội dung sửa đổi** | **Ngày**  **sửa đổi** | **Ngày**  **hiệu lực** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

1. **MỤC ĐÍCH**

Quy trình này quy định cách thức và trình tự giải quyết hồ sơ xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật nhằm từng bước nâng cao cải cách thủ tục hành chính.

1. **PHẠM VI**

Quy trình này áp dụng đối với các cá nhân có nhu cầu giải quyết hồ sơ xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật trên địa bàn xã Ia Pết.

Trách nhiệm áp dụng: Tất cả các cán bộ-công chức, bộ phận phòng ban trực thuộc UBND xã Ia Pết

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** |
|  | Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật |

1. **TÀI LIỆU VIỆN DẪN**

Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy đề cập tại mục 5.1 của Quy trình này.

1. **ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT**

TTHC: Thủ tục hành chính

UBND: Ủy ban nhân dân

1. **NỘI DUNG QUY TRÌNH:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **5.1** | **Cơ sở pháp lý** | | | |
|  | + Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;  + Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021của Chính phủ Quy đinh chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;  + Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện. | | | |
| **5.2** | **Thành phần hồ sơ** | | | |
|  | 1. Giấy tờ phải nộp:  - Đối với trường hợp xác định khuyết tật:   * Đơn đề nghị (theo mẫu số 01); * Bản sao các giấy tờ liên quan đến khuyết tật (nếu có) như: bệnh án, giấy tờ khám, điều trị, phẫu thuật, Giấy xác nhận khuyết tật cũ và các giấy tờ có liên quan khác; * Bản sao kết luận của Hội đồng Giám định y khoa về khả năng tự phục vụ, mức độ suy giảm khả năng lao động đối với trường hợp người khuyết tật đã có kết luận của Hội đồng Giám định y khoa trước ngày 01/6/2012 hoặc các giấy tờ liên quan khác (nếu có).   - Đối với trường hợp xác định lại khuyết tật:   * Đơn đề nghị (theo mẫu số 01); * Bản sao Giấy xác nhận khuyết tật.   2. Giấy tờ phải xuất trình:  - Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân của đối tượng, người đại diện hợp pháp;  - Giấy khai sinh đối với trẻ em;  - Sổ hộ khẩu của đối tượng, người đại diện hợp pháp. | | | |
| **5.3** | **Số lượng hồ sơ** | | | |
|  | 01 bộ | | | |
| **5.4** | **Thời gian xử lý** | | | |
|  | Hội đồng xét duyệt: 20 ngày làm việc  UBND cấp xã: 05 ngày làm việc | | | |
| **5.5** | **Nơi tiếp nhận và trả kết quả** | | | |
|  | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả – UBND xã Ia Pết | | | |
| **5.6** | **Lệ phí** | | | |
|  | Không | | | |
| **5.7** | **Quy trình xử lý công việc** | | | |
| ***TT*** | ***Trình tự*** | ***Trách nhiệm*** | ***Thời gian*** | ***Biểu mẫu/Kết quả*** |
| B1 | Chuẩn bị và nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định tại mục 5.2 | Cá nhân |  | Theo mục 5.2 |
| B2 | Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ:  - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung.  - Nếu hợp lệ thì viết giấy biên nhận hồ sơ | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả | *20 ngày làm việc* | Giấy biên nhận hồ sơ |
| B3 | Xem xét, xử lý hồ sơ và trình Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện xét duyệt | Công chức Văn hóa – xã hội |  |
| B4 | Thực hiện xét duyệt hồ sơ | Hội đồng xác định mức độ khuyết tật | Mẫu số 02,03,04,05 |
| B5 | Niêm yết công khai |  | *05 ngày làm việc* | Danh sách niêm yết |
| B6 | Bổ sung nội dung vào giấy xác nhận khuyết tật | Công chức Văn hóa – xã hội | Giấy xác nhận khuyết tật |
| B7 | Phê duyệt | Lãnh đạo UBND | Giấy xác nhận khuyết tật |
| B8 | Trả kết quả | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả | *Giờ hành chính* |  |
| Lưu ý:  *+ Riêng đối với trường hợp người khuyết tật đã có kết luận của Hội đồng Giám định y khoa về khả năng tự phục vụ, mức độ suy giảm khả năng lao động trước ngày 01/6/2012, Hội đồng xác định mức độ khuyết tật căn cứ kết luận của Hội đồng giám định y khoa để xác định mức độ khuyết tật theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số* ***28/2012/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:***   * *Người khuyết tật đặc biệt nặng khi được Hội đồng giám định y khoa kết luận không còn khả năng tự phục vụ hoặc suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;* * *Người khuyết tật nặng khi được Hội đồng giám định y khoa kết luận có khả năng tự phục vụ sinh hoạt nếu có người, phương tiện trợ giúp một phần hoặc suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%;* * *Người khuyết tật nhẹ khi được Hội đồng giám định y khoa kết luận có khả năng tự phục vụ sinh hoạt hoặc suy giảm khả năng lao động dưới 61%.*   ***+*** *Đối với những trường hợp theo quy định tại khoản 2, Điều 15 Luật người khuyết tật (gồm: Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật; Người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật; Có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, chính xác), thì Hội đồng cấp giấy giới thiệu và lập danh sách chuyển Hội đồng giám định y khoa thực hiện (qua Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội).*  *+ Trường hợp có khiếu nại, tố cáo hoặc có ý kiến thắc mắc không đồng ý với kết luận của Hội đồng thì trong thời hạn 05 ngày, Hội đồng tiến hành xác minh, thẩm tra, kết luận cụ thể và trả lời bằng văn bản cho người khiếu nại, tố cáo hoặc thắc mắc.*  *+ Đối với trường hợp do Hội đồng giám định y khoa xác định, kết luận về dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật: Căn cứ kết luận của Hội đồng Giám định y khoa về dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã cấp Giấy xác nhận khuyết tật.*  *+ Hội đồng xác định mức độ khuyết tật bao gồm các thành viên sau đây:*  *a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là Chủ tịch Hội đồng;*  *b) Trạm trưởng trạm y tế cấp xã;*  *c) Công chức cấp xã phụ trách công tác lao động, thương binh và xã hội;*  *d) Người đứng đầu hoặc cấp phó của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh cấp xã;*  *đ) Người đứng đầu tổ chức của người khuyết tật cấp xã nơi có tổ chức của người khuyết tật.*  *+ Công chức cấp xã phụ trách công tác lao động, thương binh và xã hội có trách nhiệm tham khảo ý kiến của cơ sở giáo dục về thông tin của người được xác định mức độ khuyết tật nếu người đó đang đi học, bao gồm những khó khăn trong học tập, sinh hoạt, giao tiếp và kiến nghị về dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật theo Mẫu số 04;*  *+ Định kỳ trước ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12 hàng năm UBND cấp xã tổng hợp, báo cáo công tác xác định mức độ khuyết tật gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo Mẫu số 07.* | | | | |

1. **BIỂU MẪU VÀ PHỤ LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã hiệu** | **Tên Biểu mẫu** |
|  | Mẫu số 01 | Đơn đề nghị xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp, cấp đổi, cấp lại giấy xác nhận khuyết tật |
|  | Mẫu số 02 | Phiếu đánh giá mức độ khuyết tật dành cho trẻ dưới 6 tuổi |
|  | Mẫu số 03 | Phiếu đánh giá mức độ khuyết tật dành cho người từ đủ 6 tuổi trở lên |
|  | Mẫu số 04 | Phiếu cung cấp thông tin về người được xác định mức độ khuyết tật |
|  | Mẫu số 05 | Biên bản họp kết luận dạng tật và mức độ khuyết tật |
|  | Mẫu số 07 | Danh sách người được cấp giấy xác nhận khuyết tật |

1. **HỒ SƠ CẦN LƯU**

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Tên hồ sơ** |
|  | Hồ sơ theo mục 5.2 |
|  | Phiếu cung cấp thông tin về người được xác định mức độ khuyết tật (mẫu số 04 – nếu có) |
|  | Biên bản họp của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật (mẫu số 05) |
|  | Phiếu đánh giá (mẫu số 02,03) |
|  | Danh sách niêm yết công khai |
|  | Giấy xác nhận khuyết tật (bản photo) |
| *Lưu ý: Hồ sơ được lưu tại bộ phận Văn hóa – xã hội, thời gian lưu theo quy định. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan.* | |